TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 305/2023/DS-ST
Ngày: 10 - 8 - 2023
"Tranh chấp Hợp đồng mua bán điện"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Én

Bà Trương Thị Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 về: "Tranh chấp Hợp đồng mua bán điện" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 279/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Tổng công ty Đ; địa chỉ trụ sở: Số 35 đường T, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Gia T, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 246 đường T, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền số 3251/UQ-PCAPĐ ngày 17/12/2021). (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2/Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 41/7 (số cũ 23/5) đường L, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn ông Phạm Gia Tưởng trình bày:

Ngày 09/11/2015 giữa Tổng công ty Đ - Chi nhánh Tổng công ty Đ - Công ty Điện lực A (sau đây được gọi tắt là Tổng công ty Đ) và Ông Nguyễn Minh Q có ký Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 79761115010748 với nội dung cung cấp điện sinh hoạt tại địa chỉ số 316 đường H, phường T, Quận

M, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi ký hợp đồng Tổng công ty Đ đã cung cấp điện sinh hoạt cho ông Q theo đúng địa chỉ như hợp đồng đã ký. Quá trình sử dụng điện ông Q đã nợ tiền điện từ tháng 6/2021 đến tháng 11/2021 với tổng số tiền là 11.307.270 đồng, mặc dù công ty đã nhiều lần đề nghị nhưng ông vẫn không thực hiện việc thanh toán. Nay Tổng công ty Đ yêu cầu Tòa giải quyết buộc ông Q thanh toán dứt điểm số tiền điện còn nợ nêu trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Toà án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng mua bán điện, được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Minh Q có nơi cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Căn cứ vào Hợp đồng mua bán điện số 79761115010748 ngày 09/11/2015, cùng lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở để khẳng định:

Ngày 09/11/2015 giữa nguyên đơn là Tổng công ty Đ và bị đơn ông Nguyễn Minh Q đã xác lập Hợp đồng mua bán điện, mục đích sử dụng là

điện sinh hoạt. Thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã cung cấp điện cho bị đơn theo đúng địa chỉ ghi trong hợp đồng. Theo thỏa thuận tại mục 5 Điều 1 của Hợp đồng mua bán điện thể hiện khách hàng phải thanh toán trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nguyên đơn thông báo lần đầu nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, hiện còn nợ tiền điện từ tháng 6/2021 đến tháng 11/2021 với tổng số tiền là 11.307.270 đồng, mặc dù được nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thanh toán.

Về phía bị đơn mặc dù đã được Tòa tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp; đồng thời cũng không nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã thanh toán số tiền điện còn nợ của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vụ án.

Xét, lẽ ra sau khi ký hợp đồng và sử dụng điện thì bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo đúng như thỏa thuận nhưng bị đơn không thực hiện là vi phạm hợp đồng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực 2004 và các điều 280, 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền điện còn nợ nêu trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 565.364 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực 2004;
- Căn cứ các điều 280, 357, 430, 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật án phí, lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nguyễn Minh Q có nghĩa vụ thanh toán cho Tổng công ty Đ tổng số tiền sử dụng điện còn nợ từ tháng 6/2021 đến tháng 11/2021 là 11.307.270 đồng (mười một triệu, ba trăm lẻ bảy nghìn, hai trăm bảy mươi đồng).

Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh Q phải chịu án phí là 565.364 đồng (năm trăm sáu mươi lăm nghìn, ba trăm sáu mươi bốn đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho nguyên đơn theo biên lai thu số AA/2021/0023138 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M.

3 . Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên